

Số: 21/2024/QĐST-VHNGĐ

Phổ Yên, ngày 25 tháng 4 năm 2024

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN**  
**VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHỔ YÊN, TỈNH THÁI NGUYÊN**

Căn cứ vào Điều 211, Điều 212, khoản 4 Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;  
Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân & gia đình;  
Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ khoản 3 Điều 37 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 17/2024/TLST-VHNGĐ ngày 03 tháng 4 năm 2024, về việc “*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thoả thuận về nuôi con*” giữa:

**Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:**

- Anh Nguyễn Văn N, sinh năm 1990;

Địa chỉ: TDP C, phường N, T.P P, tỉnh Thái Nguyên.

- Chị Nguyễn Thị D, sinh năm 1994;

Địa chỉ: TDP C, phường N, T.P P, tỉnh Thái Nguyên;

Chỗ ở hiện nay: TDP Đình, phường Đ, T.P P, tỉnh Thái Nguyên.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn N, chị Nguyễn Thị D kết hôn tự nguyện vào năm 2012, đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện P (nay là phường N, thành phố P), tỉnh Thái Nguyên theo quy định của pháp luật và được gia đình tổ chức lễ cưới hỏi theo phong tục tại địa phương, là hôn nhân hợp pháp.

Trước khi kết hôn anh chị được mai mối, có thời gian tự tìm hiểu nhau ngắn. Sau khi kết hôn anh chị chung sống cùng gia đình nhà chồng. Qua quá trình chung sống anh chị nhận thấy có quá nhiều điều bất đồng. Vợ chồng không có tiếng nói chung trong mọi việc, gần như không mấy khi nói chuyện với nhau nhưng khi có việc cần nói thì lại xảy ra bất đồng, cãi vã. Anh chị đều nhận thấy cuộc sống chung không có hạnh phúc nhưng vì các con nên vẫn cố gắng kìm nén để cho con có đầy đủ bố mẹ. Tuy nhiên mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, đến khoảng cuối năm 2023 chị D bỏ về nhà bố mẹ để ở, vợ chồng ly thân từ đó đến nay, không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Nay anh N và chị D đều xác định xác định không còn tình cảm với nhau, cùng đề nghị Toà án công nhận thuận tình ly hôn cho anh chị.

[2] Về con chung: Quá trình chung sống anh N và chị D xác định có 02 con chung là cháu Nguyễn Văn N1, sinh ngày 08/01/2013 và Nguyễn Văn N2, sinh ngày

05/12/2015. Anh N và chị D tự nguyện thoả thuận khi ly hôn anh N sẽ trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Văn N1; chị D sẽ trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Văn N2. Anh chị không yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng nuôi con.

[3] Về tài sản chung, nợ chung, khoản cho vay chung: Không có.

[5] Về vấn đề khác: Không có.

[6] Về lệ phí: Anh Nguyễn Văn N và chị Nguyễn Thị D thoả thuận cùng chịu lệ phí giải quyết việc dân sự theo quy định của pháp luật.

Xét thấy, việc thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Văn N, chị Nguyễn Thị D được ghi nhận trong Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải đoàn tụ không thành **ngày 17 tháng 4 năm 2024** là thực sự tự nguyện, không trái đạo đức xã hội, không vi phạm cấm của luật, cần được chấp nhận.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải đoàn tụ không thành mà không có đương sự nào ý kiến về sự thoả thuận đó.

## **QUYẾT ĐỊNH**

**1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:**

- *Về quan hệ hôn nhân:* Anh Nguyễn Văn N và chị Nguyễn Thị D xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã thực sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đều thuận tình ly hôn.

- *Về con chung:* Anh Nguyễn Văn N và chị Nguyễn Thị D xác định quá trình chung sống anh chị có 02 con chung là Nguyễn Văn N1, sinh ngày 08/01/2013 và Nguyễn Văn N2, sinh ngày 05/12/2015. Anh N và chị D thoả thuận:

Giao con chung Nguyễn Văn N1, sinh ngày 08/01/2013 cho anh Nguyễn Văn N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cho đến khi các con trưởng thành (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Giao con chung Nguyễn Văn N2, sinh ngày 05/12/2015 cho chị Nguyễn Thị D trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cho đến khi các con trưởng thành (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với anh N và chị D cho đến khi có yêu cầu hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được ngăn cản. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết, các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

- *Về tài sản chung, nợ chung, khoản cho vay chung:* Không có.

- *Về vấn đề khác:* Không có.

**2. Về lệ phí Tòa án:** Anh Nguyễn Văn N và chị Nguyễn Thị D thoả thuận cùng chịu lệ phí giải quyết việc dân sự 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), được đối trừ vào

số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp 300.000đ theo biên lai thu số 0001566 ngày 03/4/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Phổ Yên.

**3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.**

*Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b, 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014./.*

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND thành phố Phổ Yên;
- THADS thành phố Phổ Yên;
- UBND phường Nam Tiến;
- UBND (ĐKKH số 24 ngày 12/3/2012);
- Cổng thông tin điện tử Tòa án;
- Lưu hồ sơ, VP.

**THẨM PHÁN**

**Tạ Thị Dung**